

Bài 119. Kinh Tăng Chi | Chương Năm pháp | Phẩm Triền Cái (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 19/09/2018

Thưa quý vị, vô cùng xin lỗi là hôm qua chúng tôi đã bỏ sót một loạt kinh. Lý do là khi đọc chú giải, chúng tôi cứ đọc trước. Cái phần cần đọc thì đọc xong, mà khi đọc cái phần tiếp theo thì nó lại có ấn tượng từ cái phẩm Triền Cái, nên quên mất cái phần kia. Cho nên hôm qua tôi giảng thiếu, giảng sót. Hôm nay mình quay lại cái kinh số 45, xong rồi chúng tôi mới đi tiếp qua cái phần khác.

Phẩm Vua Munda

Kinh Phước Điền

Chúng tôi có nói với bà con rất nhiều lần là khi đọc bản tiếng Việt mình phải cẩn thận. Có những từ thấy hơi giống giống, mình lại hiểu hơi giống giống thì lại kẹt lắm. Chẳng hạn như ở đây Ngài dạy: cái Tỷ-kheo khi nhận cái cúng dường của người khác thì vị đó phải như thế nào để vị thí chủ đó được nhiều công đức. Có nhiều trường hợp lắm quý vị.

Người nhận cúng dường an trú ở trong bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả, đem lại công đức lớn cho thí chủ. Vô lượng tâm ở đây từ cái chữ appamañña cetosamādhī. Nhưng mà cũng có một trường hợp như kinh này thì vô lượng tâm định ở đây là appamāṇa cetosamādhī, ám chỉ cho tâm thánh quả; tức là lúc bấy giờ người mà nhận cúng dường đang nhập quả định trong thời gian ngắn.

Nhập định có hai cách.

Một, trong một tư thế đặc biệt, trong một thời lượng, như nhập định một giờ, một ngày, nhiều ngày. Thí dụ như vị ấy đang nằm, nằm im re vậy đó. Như Đức Thế Tôn trước khi Niết-bàn thì Ngài nằm im như vậy. Ngài nhập sơ thiền, ra sơ thiền; nhập nhị thiền, ra nhị thiền; nhập tam thiền, ra khỏi tam thiền... Cứ như vậy lên đến phi tưởng phi tưởng, rồi Ngài nhập vô cái diệt thọ tưởng định. Ra khỏi diệt thọ tưởng định,

Ngài quay trở lại sơ thiền. Cứ như vậy cho đến chín tầng thiền, cứ đi ra đi vào, đi ra đi vào 2 triệu 400 ngàn lần, rồi lần cuối cùng xuất khỏi tứ thiền thì Ngài mới chính thức viên tịch. Đó là trường hợp đặc biệt.

Hai, nhập định kiểu đối phó, như nhập định trong khoảnh khắc cần thiết, người ngoài nhìn vào không biết. Trường hợp thứ hai này là các vị nhập định trong tư thế ngồi, họ ngồi ở cái nơi nào đó trong vòng một giờ, hai giờ, ba ngày, năm ngày, bảy ngày. Theo trong kinh nói, cái thân nhân loại tuyệt đại đa số, ngoại trừ chư Phật Chánh Đẳng Giác, mới có khả năng nhịn đói $7 \times 7 = 49$ ngày, tức bảy tuần. Ngoài chư Phật Chánh Đẳng Giác ra thì các vị thánh còn lại chỉ tối đa có bảy ngày thôi, bởi vì cái tâm lực của Chánh Đẳng Giác đủ để nuôi sống cái Ngài trong chừng ấy thời gian. Cộng với sự cúng dường thiên thực của chư thiên, tức là họ tiếp dưỡng Ngài qua da, qua lỗ chân lông. Sau bảy ngày thì cơ thể rất là cần đến thức ăn nước uống để nó có thể trở lại bình thường như cũ.

Ở đây các vị sẽ ngạc nhiên hỏi: chứ sao đi bát mà nhập định được? Trường hợp này là nhập định ở cái dạng đối phó, khoảnh khắc thôi. Nói theo A-tỳ-đàm thì một vị A-la-hán khi đi như vậy, họ vẫn dùng cái tâm ngũ song thức, tức là mắt thấy tai nghe bình thường. Ngoài cái ngũ song thức đó thì các Ngài có thể dùng cái tâm đại tố, tâm thế cho tâm đại thiện. Nhưng khi cần thiết, khi thí chủ xuất hiện trước mặt các Ngài, và các Ngài đứng yên lại để nhận của cúng dường, khi người ta đặt bát thì các Ngài có thể an trú vào cái tâm thánh quả, trong một khoảnh khắc đó thôi.

Để làm chi vậy? Để cho công đức của người đó lớn hơn. Thay vì cúng dường cho người xài cái tâm dục giới, thì bây giờ họ đang cúng dường cho cái người đang xài tâm siêu thế. Bổ thí cho cùng một người, nhưng tùy theo tâm trạng người nhận lúc đó xài cái tâm gì, thì công đức của ta cũng theo đó mà ít hoặc nhiều hơn.

Sẵn ở đây tôi nói luôn một chuyện, đó là mình không học giáo lý thì không thể biết cái chuyện này. Đó là khi thấy các sư ngồi đông tụng kinh um sùm Bát-nhã, mình thấy mình hoan hỉ thì cái chuyện đó rất là tốt. Nhưng các vị có biết rằng cái lời kinh

mà thực sự có tác dụng đối với thí chủ thì đòi hỏi phải có ba điều kiện. Theo như trong kinh Mi Tiên là:

Một, người tụng kinh phải nhất tâm bất loạn, tập trung hiểu mình đang tụng gì.

Hai, người được tụng kinh phải lắng lòng để lắng nghe bằng cái tâm thanh tịnh.

Ba, người được tụng kinh không có mắc trọng nghiệp.

Ba cái này cộng lại thì buổi tụng kinh đó mới có kết quả như ý.

Thí dụ như mình đang bị bệnh, cái nghiệp của mình có lẽ là đang mãn thọ rồi, mình không thể sống được nữa. Nhưng ít ra cái người tụng kinh mà họ nhất tâm bất loạn, họ chuyên chú tụng với chánh niệm, với trí tuệ, và người nghe cũng lắng nghe với chánh niệm và trí tuệ, thì dầu cho cái người này không thể thoát được cái bệnh này, phải chết, thì cái niềm hoan hỉ trong lúc nghe kinh đó nó vẫn là vô lượng.

Trong khi đó, ông sư mà ngồi tụng mắt láo liên, dòm cái này, dòm cái kia. Hoặc khi đang tụng mắt nhắm mà cái đầu nghĩ tầm bậy tầm bạ, thì cái đó nó không có tác dụng gì hết. Nó giống như một bầy vẹt, một bầy kết vạy thôi. Tôi biết tôi nói cái này sốc dữ lắm, nhưng đó là sự thật. Giống như một đám con nít ngồi hát cải lương vạy đó. Bởi vì lúc đó cái tâm của họ hoàn toàn là tào lao, họ nghĩ toàn chuyện tầm bậy tầm bạ, mắt họ đang láo liên, lỗ tai họ đang lắng nghe bối cảnh chung quanh ai nói gì, âm thanh gì, tiếng động gì, thì cái đó không có được.

Ở đây tôi đang giảng kinh 45, nghĩa là muốn có cái buổi cầu an cầu siêu như ý thì nó phải thành tựu được ba cái này:

Một, người tụng phải chuyên tâm bất loạn, biết rõ mình đang tụng cái gì.

Hai, người nghe cũng phải như vậy, cũng phải chuyên tâm bất loạn.

Ba, họ không có bị trọng nghiệp. Trọng nghiệp nghĩa là hồi xưa không có đâm cha chém chú, cái đó mà bây giờ nhằm cái lúc nghiệp nó trở thì bây giờ trời cứu chứ

không có cái kinh nào cứu được hết. Mình nhớ Ngài Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông, đệ nhị Thinh Văn, vị đại La-hán mà nghiệp nó trở rồi thì thoát không nổi, xá gì một thời kinh được cái đám phàm phu hệ nhau ra mà tụng, sao mà bì được với Ngài Mục Kiền Liên. Mà cả dòng Thích Ca toàn là thánh nhân không, mà quả trở rồi cũng phải chết thôi chứ đâu có thoát được.

Ở đây cũng vậy, khi mình nhận cái của cúng dường của người ta mà mình an trú cái tâm gì, thì cái công đức của thí chủ cũng theo đó mà ít nhiều. Phải nên nhớ câu này: “Tùy theo cái tâm trạng của người nhận và tâm trạng của người bố thí mà công đức của mình theo đó”.

Được ít hoặc nhiều, chứ còn mất mà láo liên thì thua.

Ngài dạy: đối với đối tượng đang an trú với thánh tâm, thánh trí, khi đó mà mình quỳ lạy hoặc cúng dường cho họ một chén nước, một cái tắm xia răng thì công đức vô bờ, vô hạn, vô lượng, vô biên, bất khả tư nghĩ, không thể tính đếm được.

Trong đoạn số 3 này thì Ngài xài cái chữ “vô số vô lượng”, các vị có thấy không?

Các vị có biết nhiều người họ khoe với tôi là họ mang ơn tôi đời này kiếp này cho tới khi đi vào cái hũ cốt, bởi vì cứ mở băng lên là họ ngủ, mở lên là họ ngủ, mà đã lâu lắm rồi họ không có xài thuốc men gì hết. Họ nói: “Sư đã cứu mạng con, con bị suy nhược thần kinh, âu lo buồn phiền, sợ hãi ghen tuông, bị viêm loét bao tử, ảnh hưởng tim mạch. Nhờ nghe của sư là tự nhiên nó ngủ, mà ngủ dậy là nó đói, mì gói ăn cũng ngon.” Hay như vậy.

Thưa quý vị, vô cùng xin lỗi là hôm qua chúng tôi đã bỏ sót một loạt kinh. Lý do là khi đọc chú giải, chúng tôi cứ đọc trước, cái phần cần đọc thì đọc xong, mà khi đọc cái phần tiếp theo thì nó lại có ẩn tượng từ cái phẩm Triền Cái nên quên mất cái phần kia. Cho nên hôm qua tôi giảng thiếu, giảng sót. Hôm nay mình quay lại cái kinh số 45, xong rồi chúng tôi mới đi tiếp qua cái phần khác.

V. Phẩm Vua Munda - 5. Muṇḍarājavaggo

(V) Kinh (45) Phước Điền. Punnabhisandasuttam

Chúng tôi có nói với bà con rất nhiều lần là khi đọc bản tiếng Việt mình phải cẩn thận. Có những từ thấy hơi giống giống, mình lại hiểu hơi giống giống thì lại kẹt lắm. Chẳng hạn như ở đây Ngài dạy cái Tỷ-kheo khi nhận cái cúng dường của người khác thì vị đó phải như thế nào để vị thí chủ đó được nhiều công đức. Có nhiều trường hợp lắm quý vị.

Người nhận cúng dường an trú ở trong bốn vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả, đem lại công đức lớn cho thí chủ. “Vô lượng tâm” ở đây từ cái chữ *appamaññā cetosamādhī*. Nhưng mà cũng có một trường hợp như kinh này, thì “vô lượng tâm định” ở đây là *appamāṇacetosamādhī*, ám chỉ cho tâm thánh quả, tức là lúc bấy giờ người mà nhận cúng dường đang nhập quả định trong thời gian ngắn.

Nhập định có hai cách:

1. Trong một tư thế đặc biệt, trong một thời lượng, như nhập định một giờ, một ngày, nhiều ngày.

Thí dụ như vị ấy đang nằm, nằm im re vậy đó. Như Đức Thế Tôn trước khi Niết-bàn thì Ngài nằm im như vậy, Ngài nhập sơ thiền, ra sơ thiền; nhập nhị thiền, ra nhị thiền; nhập tam thiền, ra khỏi tam thiền... Cứ như vậy lên đến phi tưởng phi phi tưởng, rồi Ngài nhập vô cái diệt thọ tưởng định. Ra khỏi diệt thọ tưởng định, Ngài quay trở lại sơ thiền. Cứ như vậy cho đến chín tầng thiền, cứ đi ra đi vào, đi ra đi vào hai triệu bốn trăm ngàn lần, rồi lần cuối cùng xuất khỏi tứ thiền thì Ngài mới chính thức viên tịch. Đó là trường hợp đặc biệt.

2. Nhập định kiểu đối phó, như nhập định trong khoảnh khắc cần thiết, người ngoài nhìn vào không biết.

Trường hợp thứ hai này là các vị nhập định trong tư thế ngồi. Họ ngồi ở cái nơi nào đó trong vòng một giờ, hai giờ, ba ngày, năm ngày, bảy ngày. Theo trong kinh nói, cái thân nhân loại tuyệt đại đa số, ngoại trừ chư Phật Chánh Đẳng Giác mới có khả năng nhịn đói $7 \times 7 = 49$ ngày, tức bảy tuần. Ngoài chư Phật Chánh Đẳng Giác ra thì các vị thánh còn lại chỉ tối đa có bảy ngày thôi, bởi vì cái tâm lực của Chánh Đẳng Giác đủ để nuôi sống thân Ngài trong chừng ấy thời gian. Cộng với sự cúng dường thiên thực của chư thiên, tức là họ tiếp dưỡng Ngài qua da, qua lỗ chân lông. Sau bảy ngày thì cơ thể rất là cần đến thức ăn nước uống để nó có thể trở lại bình thường như cũ.

Ở đây các vị sẽ ngạc nhiên hỏi: “Chứ sao đi bát mà nhập định được?” Trường hợp này là nhập định ở cái dạng đối phó, khoảnh khắc thôi.

Nói theo A-tỳ-đàm thì một vị A-la-hán khi đi như vậy, họ vẫn dùng cái tâm ngũ song thức, tức là mắt thấy tai nghe bình thường. Ngoài cái ngũ song thức đó thì các Ngài có thể dùng cái tâm đại tố, tâm thế cho tâm đại thiện. Nhưng khi cần thiết, khi thí chủ xuất hiện trước mặt các Ngài và các Ngài đứng yên lại để nhận của cúng dường, khi người ta đặt bát thì các Ngài có thể an trú vào cái tâm thánh quả, trong một khoảnh khắc đó thôi.

Để làm chi vậy? Để cho công đức của người đó lớn hơn. Thay vì cúng dường cho người xài cái tâm dục giới, thì bây giờ họ đang cúng dường cho cái người đang xài tâm siêu thế. Bởi thí cho cùng một người, nhưng tùy theo tâm trạng người nhận lúc đó xài cái tâm gì thì công đức của ta cũng theo đó mà ít hoặc nhiều hơn.

Sẵn ở đây tôi nói luôn một chuyện, đó là mình không học giáo lý thì không thể biết cái chuyện này. Đó là khi thấy các sư ngồi đông tụng kinh um sùm bát nhã, mình thấy mình hoan hỷ thì cái chuyện đó rất là tốt. Nhưng các vị có biết rằng cái lời kinh mà thực sự có tác dụng đối với thí chủ thì đòi hỏi phải có ba điều kiện. Theo như trong kinh Mi Tiên là:

1. Người tụng kinh phải nhất tâm bất loạn, tập trung hiểu mình đang tụng gì.

2. Người được tụng kinh phải lắng lòng để lắng nghe bằng cái tâm thanh tịnh.
3. Người được tụng kinh không có mắc trọng nghiệp.

Ba cái này cộng lại thì buổi tụng kinh đó mới có kết quả như ý.

Thí dụ như mình đang bị bệnh, cái nghiệp của mình có lẽ là đang mãn thọ rồi, mình không thể sống được nữa. Nhưng ít ra cái người tụng kinh mà họ nhất tâm bất loạn, họ chuyên chú tụng với chánh niệm, với trí tuệ, và người nghe cũng lắng nghe với chánh niệm và trí tuệ, thì dầu cho cái người này không thể thoát được cái bệnh này, phải chết, thì cái niềm hoan hỷ trong lúc nghe kinh đó nó vẫn là vô lượng.

Trong khi đó, ông sư mà ngồi tụng mắt láo liên, dòm cái này, dòm cái kia. Hoặc khi đang tụng mắt nhắm mà cái đầu nghĩ tầm bậy tầm bạ, thì cái đó nó không có tác dụng gì hết. Nó giống như một bầy vẹt, một bầy kết vạ thôi. Tôi biết tôi nói cái này sốc dữ lắm, nhưng đó là sự thật, giống như một đám con nít ngồi hát cải lương vậy đó. Bởi vì lúc đó cái tâm của họ hoàn toàn là tào lao, họ nghĩ toàn chuyện tầm bậy tầm bạ, mắt họ đang láo liên, lỗ tai họ đang lắng nghe bối cảnh chung quanh ai nói gì, âm thanh gì, tiếng động gì, thì cái đó không có được.

Ở đây tôi đang giảng kinh 45, nghĩa là muốn có cái buổi cầu an, cầu siêu như ý thì nó phải thành tựu được ba cái này:

1. Người tụng phải chuyên tâm bất loạn, biết rõ mình đang tụng cái gì.
2. Người nghe cũng phải như vậy, cũng phải chuyên tâm bất loạn.
3. Họ không có bị trọng nghiệp. Trọng nghiệp nghĩa là hồi xưa không có đâm cha

Cái đó mà bây giờ nhằm cái lúc nghiệp nó trở thì bây giờ trời cứu chứ không có cái kinh nào cứu được hết. Mình nhớ Ngài Mục Kiền Liên là đệ nhất thần thông, đệ nhị Thịnh Văn, vị đại La-hán, mà nghiệp nó trở rồi thì thoát không nổi, xá gì một thời kinh được cái đám phàm phu hèn nhau ra mà tụng, sao mà bì được với Ngài Mục Kiền

Liên. Mà cả dòng Thích Ca toàn là thánh nhân không mà quả trở rồi cũng phải chết thôi, chứ đâu có thoát được.

Ở đây cũng vậy, khi mình nhận cái của cúng dường của người ta mà mình an trú cái tâm gì thì cái công đức của thí chủ cũng theo đó mà ít nhiều. Phải nên nhớ câu này: “Tùy theo cái tâm trạng của người nhận và tâm trạng của người bố thí mà công đức của mình theo đó được ít hoặc nhiều, chứ còn mắt mà lão liêng thì thua”.

Ngài dạy đối với đối tượng đang an trú với thánh tâm, thánh trí. Khi đó mà mình quỳ lạy hoặc cúng dường cho họ một chén nước, một cái tắm xia răng thì công đức vô bờ, vô hạn, vô lượng, vô biên, bất khả tư nghì, không thể tính đếm được. Trong đoạn số 3 này thì Ngài xài cái chữ “vô số vô lượng”, các vị có thấy không?

Các vị có biết nhiều người họ khoe với tôi là họ mang ơn tôi đời này kiếp này cho tới khi đi vào cái hủ cốt, bởi vì cứ mở băng lên là họ ngủ, mở lên là họ ngủ, mà đã lâu lắm rồi họ không có xài thuốc men gì hết. Họ nói: “Sư đã cứu mạng con, con bị suy nhược thần kinh, âu lo buồn phiền, sợ hãi, ghen tuông, bị viêm loét bao tử, ảnh hưởng tim mạch. Nhờ nghe của Sư là tự nhiên nó ngủ, mà ngủ dậy là nó đói, mì gói ăn cũng ngon, hay như vậy”.

Cụ Túc. Sampadasuttam.

Cụ túc (sampada) là đầy đủ, sung túc.

Ở đời này có nhiều sự sung túc, sung mãn, đầy đủ lắm quý vị. Thí dụ như đầy đủ nhan sắc, sức khỏe, đầy đủ tài sản, đầy đủ quyền lực, đầy đủ tình cảm v.v... Đức Phật Ngài dạy rằng trong tất cả các sự đầy đủ thì chỉ có sự đầy đủ về thiện pháp mới đáng kể, vì đây là nguồn tạo ra tất cả mọi sự đầy đủ khác.

Cho nên mình nói mình biết đạo nhưng mà mình coi trọng cái đồng tiền, coi trọng cái nhan sắc, có nghĩa là mình coi trọng cái ngọn mà mình quên mất cái gốc. Theo mô tả trong kinh thì giàu có như Chuyển luân vương vẫn không quý bằng một vị Sơ quả, vì

vị này có đủ phước báu để trở thành Chuyển luân vương nhiều lần. Còn mình thì đam mê cái có trước mắt mà không quan tâm việc tích trữ cho đời sau.

Ngài dạy năm pháp cụ túc này có đủ ở một vị Sơ quả. Phạm phu không bằng Sơ quả nên năm pháp này nếu có cũng hạn chế, nhưng quả lành vẫn không phải là nhỏ.

1. Chánh tín (Saddhasampada): có ba.

Tin vào nghiệp lý: tức là tin rằng mình chắc chắn phải chịu trách nhiệm các hành động lớn nhỏ của thân, khẩu, ý trong từng giây. Không có hành động nào, suy tư nào, câu nói nào của ta là vô nghiệm, tức không có kết quả, là không có.

Tin vào tính sanh diệt của vạn hữu: tin rằng không có gì trên đời này còn hoài không mất, ngay cả Phật quả của Đức Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng phải chấm hết khi Ngài viên tịch. Nhất thiết trí của Ngài, đức độ như trời như biển của Ngài cũng phải kết thúc.

Chứ không phải như bên Bắc Tông nói là Ngài tịch rồi mà Ngài vẫn còn pháp thân, bây giờ Ngài đang tồn tại, đang ngự trị, hiện hữu ở một cõi Phật cao siêu, xa vời, thiêng liêng, màu nhiệm nào đó thì không có.

Bên Nam Tông nói rằng khi Ngài tu Ba-la-mật thì Ngài đang gieo trồng điều kiện để chứng thành Phật quả. Thành Phật rồi trụ thế mấy mươi năm, khi mà dứt hơi rồi thì mọi thứ trở về không. Cho nên mình phải nhớ, vĩ đại như quả Phật mà cũng có lúc kết thúc. Trên đời không có cái gì vĩ đại hơn trí tuệ, nhân cách, phước báu của một vị Phật, ấy vậy mà hễ có sanh thời có diệt.

Tin vào tác dụng của Tứ niệm xứ nói riêng và 37 phẩm Bồ đề nói chung: tin rằng ngoài nếp sống chánh niệm và trí tuệ thì không còn cái nếp sống nào tốt hơn để mà sống. Ngoài chánh niệm và trí tuệ không còn có con đường nào tốt hơn để mình đi. Chỉ có duy nhất một con đường kết hợp giữa chánh niệm và trí tuệ, tức là Tứ niệm

xứ, mới là con đường duy nhất để cho mình sống vui và hi vọng chứng đắc thánh quả, chấm dứt luân hồi, chỉ bằng cái con đường đó thôi.

Không có ba cái niềm tin này thì cái đó là tà tín, mê tín, cuồng tín. Cho nên bây giờ mình thờ ông bà, ông Táo, thờ đạo này đạo kia, mà trong khi đó mình quên rằng chỉ cần mình tin vào ba cái này thì mình không có tin mấy cái tào lao ngoài ra. Tin vào ba cái này thì đương nhiên mình sẽ có niềm tin sắc son, bất động, bất thối đối với Tam bảo.

2. Giới cụ túc (Silasampada): là đã thọ giới nào thì đầu chết cũng không vi phạm.

Có nhiều người nói là Tu-đà-hườn không có phạm ngũ giới, nói như vậy thì nghe nó hay hay nhưng nó cũng hơi trật trật. Bởi vì nói vậy nó hơi thiếu, mình phải nói là Tu-đà-hườn đã thọ cái giới gì thì sẽ không phạm cái giới đó.

Thí dụ như Tu-đà-hườn minimum, tối thiểu là có năm giới, thà chết chứ không phạm năm giới. Nhưng mà bữa nào Tu-đà-hườn cư sĩ mà thọ bát giới thì lúc đó họ có thể chết chứ không thể phạm bát giới. Họ là sa-di hay Tỳ-kheo thì không thể nào họ phạm giới sa-di hay giới Tỳ-kheo, chứ mình chỉ nói ngũ giới thì nó nghèo quá.

3. Văn cụ túc (Sutasampada): là đầu có học giáo lý nhiều hay ít nhưng luôn có thể kết nối điều mình được nghe, được học với việc hành trì.

Văn cụ túc ở đây nhiều người nói là đa văn. Không có phải. Cái này là Đức Phật định nghĩa trong cái bài kinh trước. Ngài định nghĩa thế nào là đa văn? Đa văn nghĩa là đầu chỉ học một bài kệ bốn câu nhưng vẫn thấy ra trong đó con đường hành trì và cuối cùng là có chứng đắc từ cái sự hành trì ấy. Trường hợp này vẫn gọi là đa văn.

Tìm ra cái sự nối kết giữa học với hành và thành thì gọi là đa văn, chứ không phải là học được nhiều bộ hay nhiều tạng thì cái đó là quá xá rồi rồi, bởi vì có rất nhiều vị La-hán không có thuộc tạng nào hết thì phải làm sao?

Cho nên ở đây Ngài dạy đầu chỉ học thuộc một bài kệ bốn câu nhưng tìm ra được trong bốn câu ấy con đường hành trì và sau cùng tìm thấy trong con đường hành trì ấy một sự thành tựu.

Sẵn ở đây nói luôn, đây là hành trì tu học trong Phật Pháp: học là pariyatti, hành là patipatti, thành, chứng, là pativedha. Ba chữ này mà người cư sĩ Việt Nam mà không biết là mai này đi qua bên Thái hay Miến Điện là nó nhục không biết giấu mặt vô cái lỗ nào cho nó vừa, bởi vì bên đó ba cái chữ này người ta nói bằng tiếng Pali chứ người ta không có dịch.

Nhớ nha, ba cái chữ này bên Thái, Miến Điện, Lào, Campuchia, Tích Lan người ta không có dịch mà người ta nói bằng tiếng Pali. Ở đây phải hiểu là tìm ra sự kết nối giữa những gì mình học với con đường hành trì và cuối cùng là tìm ra cái cứu cánh trong con đường hành trì ấy. Chứ không thể hiểu văn ở đây là thuộc như vẹt, sáo, nhồng... tưởng sao cuối cùng cốt khí vẫn hoàn cốt khí, thì cái đó không gọi là văn.

4. Thí cụ túc (Cāgasampadā)

Không phải là bố thí nhiều hay giá trị cái tài vật, mà tính theo cái tấm lòng của người bố thí. Nói thẳng ra là dám hi sinh bao nhiêu phần trăm tài sản mình có; vì cái chuyện bố thí ấy mà ta phải hi sinh thứ gì, đó mới là cái điều đáng kể.

Thí dụ bây giờ tôi bán vé số mà sáng nào tôi cũng có bịch sữa đậu nành với ổ bánh mì không để bát cho ông sư. Bán vé số nó rất là bất thường, có bữa ế có bữa đắt, bữa nắng bữa mưa, bữa khỏe bữa bệnh. Các vị phải biết chuyện đó chứ đừng có nói là tôi giàu từ trong trứng nên tôi không biết. Nhiều người nói là tôi chưa trải qua nên tôi không biết thì cái đó là ngu, chứ có đứa nào ngu dữ thần vậy. Mình chưa bán vé số nhưng mà mình phải biết chứ.

Nhưng các vị biết, đối với một người bán vé số mà mỗi sáng họ có được một khúc bánh mì không và một bịch sữa đậu nành để họ để bát là một sự hi sinh rất là lớn, bởi vì bản thân cái anh bán vé số chưa chắc đủ khả năng sáng nào cũng có cái phần đó

cho ảnh, chứ đừng nói là đem cho người khác. Cho nên mình có khả năng đều đặn mỗi sáng cho người ta khúc bánh mì và bịch sữa đậu nành, tính theo tiền Việt Nam tầm tầm khoảng dưới 100 ngàn đồng.

Cho nên bố thí ở đây phải hiểu là cái khả năng hi sinh cái vật sở hữu, tính theo phần trăm mà mình có, không phải tính theo số lượng hay chất lượng, tức giá trị thị trường. Nếu nói như vậy là cái đạo của mình là đạo đại gia.

5. Tuệ cụ túc (Paññāsampadā)

Ở đây gồm 2 trí:

Trí tuệ nhận thức trong nghiệp lý, tức nguyên tắc nhân quả. Tức là nhìn nhân truy ra quả, nhìn quả mà hiểu ra nhân. Mình hiểu hễ có là phải mất cũng là nhân quả, mà làm ác là sẽ bị khổ mình khổ người đời này đời sau; hễ làm thiện thì mình phải biết rằng vui mình vui người đời này đời sau. Đó là cái trí nghiệp lý.

Mình búng ngón tay xuống cái bàn thì phải biết nó sẽ phát ra tiếng động. Không có việc làm nào, lời nói nào, suy nghĩ nào là vô nghiệm. Tất cả đều để lại kết quả tốt xấu tùy theo chủ ý của mình. Mọi hành động lớn nhỏ của thân tâm đều để lại kết quả tùy cái chủ ý (cetanā) của mình.

Trí tuệ nhận thức cái tánh tùy duyên sanh diệt của vạn hữu ở đời. Tùy duyên là cái gì cũng do vô số điều kiện mà có, sanh diệt nghĩa là đã có rồi thì trước sau cũng mất đi.

Có người mà có đủ 5 pháp này được gọi là người giàu có. Năm pháp này được gọi là 5 điều kiện sung túc về tinh thần và vật chất. Xét dùm 5 điều kiện này đủ để ta giàu có, xinh đẹp, thông minh, sống lâu và chứng Thánh hay không? Năm điều này thấy nó mềm mềm nhưng mà xét dùm tôi, thấy hình như nó hơi đủ đó. Trong này có giới là được đẹp, sống lâu; còn bố thí thì mình thấy dứt khoát là phải giàu rồi. Mà bố thí tùy mình có chủ ý gì thì nó cho mình trí tuệ, tuổi thọ, nhan sắc.

Bố thí với cái lòng mong mọi người nhận được gì thì ta cũng sẽ được như vậy. Thí dụ như tôi bố thí thức ăn: tôi nghĩ ai đã đẹp thì thêm đẹp, ai đã khỏe thì thêm khỏe, ai đang tu tập thì tiếp tục tu tập, ai là vị đa văn thì tiếp tục đa văn, ai là vị hành giả thì tiếp tục là hành giả, ai là bậc trí tuệ thì tiếp tục trí tuệ, ai là bậc thiền định thì nhờ bữa ăn này mà tiếp tục thiền định.

Như vậy tuy chỉ là một bữa ăn thôi mà mình mong người ta được cái gì thì mình cũng được y chang như vậy. Mà cái này là kinh nói chứ không phải là tôi nói, và cách đây không lâu mình đã học được kinh này rồi.

Kinh Tài Vật

Kinh này cũng cứ thế mà hiểu.

Kinh Sự Kiện Không Thể Có Được

Kinh 48 là chuyện bất khả thi:

1. Không ai tránh được tuổi già.
2. Không thể tránh được bệnh tật.
3. Cái chết.
4. Mất mát này nọ.
5. Cái gì cũng phải có lúc kết thúc.

Phải thấy và chấp nhận những sự thật đó không phải để sống bi quan hay sợ hãi hoảng loạn, mà để có những chuẩn bị thật tốt.

Tất cả những chuyên gia cứu hộ trên hành tinh này, gồm chuyên gia cứu hộ hàng không, hàng hải, đường bộ, nhân viên cứu hỏa, hoặc những tai nạn lao động, tai nạn xã hội nói chung, thì tất cả những chuyên gia cứu hộ họ đều có một nhận xét giống

nhau là: “Trong mọi tình huống, trong mọi hoàn cảnh thì các nạn nhân bình tĩnh luôn có cơ hội sống sót cao hơn những người hoảng loạn, thiếu bình tĩnh.”

Đó là họ không biết đạo, họ chỉ nói về chuyện thoát thôi. Nhưng trong đạo Phật thì thêm một cái nữa, đó là: bên cạnh cơ hội thoát nạn, mà nếu không thoát được, thì cái cơ hội đi lên của người có chuẩn bị sẽ cao hơn người không có chuẩn bị. Là vì mỗi người phải đi đầu thai theo 1 trong 4 thứ nghiệp sau đây:

1. Trọng nghiệp thiện ác (garukamma): là những thiện ác to tát.

Trọng nghiệp thiện: trong đời mình đã làm những công việc lớn lao như cứu mạng nhiều người, giúp đỡ người đức độ hoặc hộ trì Tam Bảo bằng những Phật sự quan trọng.

Trọng nghiệp bất thiện: làm những tội lỗi to tát tày đình, to như cái đình; tày liếp, to như miếng đất.

2. Thường nghiệp thiện ác (āciṇṇakamma): là những cái gì đó không cần to lắm mà mình cứ làm hoài thì nó cũng có một sức mạnh kinh dị lắm.

Là những nghiệp nào mà mình cứ làm hoài. Thí dụ như năm 15 tuổi cứ đứng bán hàng tạp hóa hoài, cứ cân đong đo đếm, le lưỡi tính tiền... suốt nhiều năm như vậy, cả đời cứ đứng ra buôn bán. Hoặc cả đời cứ mò cua bắt ốc, buôn gian bán lận, bài bạc chích hút, đâm heo chuốc chó, lừa thầy phản bạn, mãi quốc cầu vinh, cả đời cứ làm hoài hoài mấy cái chuyện đó thì được gọi là thường nghiệp.

3. Khinh thiếu nghiệp thiện ác (katattākamma): là những thiện ác mà mình làm lai rai, lâu lâu làm một lần.

Thí dụ như đi chùa, một tháng hay ba, bốn tháng mới đi chùa một lần. Lâu lâu cũng móc túi ra làm phước cho chỗ này chỗ kia một lần. Hoặc lâu lâu có ai rủ đi câu, đi săn, đi đá gà, đánh bài, nhậu nhẹt gì đó thì cũng đi theo. Lâu lâu cứ làm mỗi thứ lai rai đều đều như vậy cả đời thì cái đó gọi là khinh thiếu nghiệp.

4. Cận tử nghiệp thiện ác (maraṇāsannakamma): trước giây phút lâm chung thì tâm mình leo lét, leo lét như cái người chết đuối gặp cái gì chụp cái nấy.

Cái nghiệp đó được gọi là cận tử. Nhưng đừng coi thường nó, bởi vì nghiệp cận tử là cái phao cứu sinh hay là cái trái thủy lôi là tùy theo mỗi người.

Trái thủy lôi là loại trái nổ mà người ta để dưới nước, trên bờ gọi là mìn, lựu đạn. Thì lúc mà mình chết đuối mà chụp vào cái phao thì coi như khỏe, còn chụp trái thủy lôi là coi như game over, hết phim.

Ở đây cũng vậy, khi mình đang chập chờn leo lét cuối đời mà khi có lời kinh tiếng kệ lọt vào tai, biết đâu đó cũng là cái gợi ý để theo đó mà mình đi. Tôi giảng cái này hơi ngoài bài kinh nhưng rất cần thiết.

Vị đệ tử của Đức Phật có học đạo nên biết rõ là già, bệnh, chết không thể nào tránh được. Mọi thứ có rồi phải mất đi, có rồi phải kết thúc. Vị ấy biết rõ nhưng không phải để sống bi quan hay sợ hãi, mà là để có những chuẩn bị thật là tốt.

Hoàng hậu Mallikā của vua Pasenadi

Kinh về hoàng hậu Mallikā của vua Pasenadi.

Bà Mallikā này là một người con gái dân dã, nhưng nhờ cúng dường hoa lài cho Đức Phật nên được cái thiện nghiệp trở sanh là vua gặp bà, vua thương ngay và rước bà về cung làm chánh hậu.

Bà đối với Đức Phật như cha mà còn hơn cha ruột nữa, bà thương quý Đức Phật rất nhiều. Bà chính là tác giả cho một công trình bố thí tên gọi là asadisadāna, vô song thí, một cuộc cúng dường hoành tráng, quy mô bậc nhất trong đời Đức Phật.

Câu chuyện đó rất dài, tôi chỉ kể vắn tắt như thế này.

Có một lần vua mời Đức Phật về để cúng dường, thì dân chúng thấy, họ nói với nhau:

“Vua giàu nhưng vua chỉ có một nguồn tài chánh và những thứ vua có cũng còn hạn chế, làm sao bì được với thiên hạ muôn phương. Thôi thì bà con mình góp gió thành bão, lấy ít làm nhiều.”

Họ mới bèn tổ chức buổi cúng dường đối với Đức Phật và chư Tăng coi như trên đời chỉ có một.

Vua thấy như vậy thì:

“Mình là vua thì không có thua được.”

Cứ thế như vậy mà vua và dân, dân và vua đấu qua đấu lại. Cuối cùng Đức Thế Tôn, Ngài cũng đâu có ở đó hoài, Ngài cũng đi nơi khác hoằng pháp.

Cái ngày cuối cùng tới phiên vua tổ chức, đứng ra làm phước bằng cái tâm thiện thì đúng rồi, nhưng nó cộng với một chút tự ái và kiêu ngạo của một đấng quân vương, một vị hoàng đế.

Vua cứ trần trọc ưu tư, không có ngờ là cái đám dân đen này nó chơi bạo quá. Mình mà làm bằng là đã nhục rồi, mà giờ mình làm thua là còn dữ nữa. Cái chuyện mình thương Phật, mình quý Phật, mình cúng dường ở đây thì đúng rồi, nhưng mà nó còn cái chuyện mặt mũi ở đây nữa. Mình sang thì nó sang theo, mình xịn thì nó cũng xịn theo, mình ngon, mình thơm thì nó cũng ngon và thơm theo. Mình cỡ nào thì nó theo cỡ đó. Bây giờ làm sao mà trong buổi trai tăng này dân không có cách nào mà nó bì được với mình ta?

Lúc ấy bà hoàng hậu Mallikā hỏi vua:

“Chuyện gì mà bệ hạ có vẻ ăn không ngon ngủ không yên?”

Thì vua nói như vậy. Bà trả lời:

“Dễ ẹc! Chuyện đó có gì đâu, chuyện đó để cho thiếp xử.”

Thì bà mới kêu người lo chăm sóc voi ngựa trong cung vô. Bà hỏi:

“Mình có bao nhiêu con voi?”

Thì người đó trả lời rằng:

“Trước mắt trừ mấy con bị điều ra biên ải thì hiện giờ mình được 500 con voi.”

Nhưng mà lát sau nó vô nó báo thì trong 500 con đó giờ cuối bị trục trặc vì 1 con bị mắc bệnh, nên chỉ còn có 499 con dân sự chuyên đi điều hành thôi. Nếu muốn xài thì phải xài 1 con voi chiến. Nhưng voi quân sự thì khó xài vì nó hung hăng lắm, xài ngoài chiến trường thì ok, nhưng xài trong chỗ đông người mang tính dân sự thì không có tốt.

Bà mới nói:

“Không có sao, con voi đó để nó đứng sau lưng Ngài Vô Não.”

Bởi vì trong kinh nói Ngài mạnh lắm, cái sức mạnh của Ngài tương đương với 7 con voi. Thần thái của Ngài luôn khiến loài thú ở gần phải kiêng nể, giống như nó ở gần sếp của nó vậy.

Hôm sau đến lễ trai tăng, thì làm sao mà có được một lượng voi khẩn cấp như vậy được. Họ cũng không nghĩ ra, nên cuối cùng buổi trai tăng của vua là hoành tráng thiệt. Mỗi con voi là cầm lọng hầu mỗi vị. Con voi trắng của vua ôm lọng hầu Đức Phật. Cứ như vậy cho đến các vị Thánh khác, mỗi vị đều có con voi nó ôm cái lọng đứng che cho các Ngài. Một cái buổi trai tăng nhìn vô là thấy hết hồn.

Bà Mallikā đã góp ý cho vua nhiều chuyện quan trọng lắm, cho nên khi thành linh bà mất thì vua buồn dữ lắm.

Trong đời vua Pasenadi, cứ có chuyện quan trọng thì rất ngẫu nhiên ông đều được báo tin trong lúc đang hầu Phật, vì trung bình mỗi ngày vua đến gặp Phật 5 lần, còn hơn với cha ruột.

Thí dụ như lần này là bà Mallikā chết thì ổng cũng nghe trong lúc ổng đang hầu Phật.

Lần thứ hai là vua được báo tin hoàng hậu sanh công chúa, không phải sanh trai. Vua buồn và Phật an ủi chí lý.

An ủi sao?

Vua đang ngồi hầu Phật thì cũng có người tới nói nhỏ vô tai:

“Hoàng hậu sanh con gái.”

Thì Đức Phật hỏi:

“Đại vương có an lạc không?”

Ổng nói:

“Dạ, trước mặt Thế Tôn con rất là an lạc, nhưng mà đặc biệt bây giờ thì không có an lạc lắm, vì con được báo tin là hoàng hậu không có sanh con trai như con muốn.”

Đức Phật đã hỏi vua thế này:

“Tại sao phải coi nhẹ con gái khi tất cả những vĩ nhân trên đời này đều do phụ nữ sanh ra? Chưa có một bậc danh nhân, vĩ nhân nào được đàn ông sanh ra.”

Đó là một câu nói an ủi mà tôi thấy không thể hay hơn. Có thể xem đây là bản tuyên ngôn nữ quyền đầu tiên sắc thép và nhiều thuyết phục nhất trong lịch sử nhân loại toàn thế giới.

Lần thứ ba là vua đi vào hầu Phật năm vua 80 tuổi, bằng tuổi với Đức Phật. Vua đang nghe pháp thì có người đến báo tin hình như sắp có chính biến, biến động chính trị, hình như sắp có người đảo chánh, hình như sắp có người soán ngôi.

Vua lạy Phật rồi tức tốc trở về. Đến cổng thành thì nghe tin vua mới đã lên ngôi. Đêm ấy thân già mòn mỏi, tùy tùng trốn sạch. Vua băng hà bên ngoài thành, bên cạnh cô

cung tần duy nhất, chết như kẻ không nhà. Và chết rồi vua sanh về Đâu Suất Thiên.

Ở đây tôi cố ý kể cho các vị nghe về vợ chồng vua không phải tào lao đâu. Bởi vì không biết có dịp nào để kể cho bà con thấy một vị vua quyền lực bậc nhất Ấn Độ thời đó mà cuối cùng kết thúc cuộc đời quạnh hiu như vậy.

Các vị tưởng tượng đi, một ông vua quyền lực bậc nhất thời bấy giờ, Ấn Độ có tới 16 quốc gia. Đất Kosala của vua này giàu có trù phú bậc nhất, cuối cùng vua chết kiểu này.

Mà sư phụ của vua là Đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng, Chánh Giác, Vô Thượng, Điều Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Vua cả đời hầu Phật, lạy Phật. Năm vua 40 tuổi và Thế Tôn cũng 40 tuổi, kể từ đó vua đối với Phật còn hơn là như con đối với cha. Vua cất một cái cung to dùng kể bên chùa, nếu bận quá thì thôi, còn không thì trung bình mỗi một ngày vua đến gặp Phật 5 lần.

Một người thờ Phật như vậy, và vua là một trong 10 vị Chánh Đẳng Chánh Giác trong tương lai, sắp thành Phật, một trong 10 vị Phật gần mình nhất đây nè. Tức là ai mà nhắm mắt không được trong đời này thì nguyện gặp những vị sắp tới, trong 10 vị đó có vua Pasenadi.

Các vị coi, một đời quyền lực như vậy, phước báu như vậy, cũng do tiền nghiệp nào đó mà cuối cùng vua kết thúc cuộc đời một cách quạnh hiu và phũ phàng như vậy. Cũng may vua là người công đức vô lượng, cho nên vua mất rồi về thẳng trên Đâu Suất Thiên.

Bây giờ chúng ta trở lại với bà Mallika. Là một Phật tử tràn trề tín tâm, cả đời bà chỉ có công đức và công đức thôi. Bà chỉ có một lần đó, trong nhà tắm, bà đang đứng lom khom, lom khom, thì con chó cưng của bà, thuộc giống chó to mà ta gọi là chó chăn

cừu, nó chồm tới và nó làm ầu. Thay vì bà đuổi nó thì bà lại chấp nhận im lặng cái chuyện con chó đó làm ầu.

Vua ở trên thấy và vua không tin vào mắt của mình. Lát sau vua gặp bà và hỏi:

“Tại sao khanh lại có thể hèn hạ như vậy?”

Khi ấy bà nghĩ rất là nhanh. Bà nghĩ rằng: “Còn chối được thì cứ chối, chối cho trắng án mới thôi.” Bà nói rằng:

“Từ cái vị trí của bệ hạ đứng, cộng với điều kiện ánh sáng và khoảng cách không thích hợp, khiến cho hoàng thượng đã thấy như vậy. Chứ chuyện đó là không có được. Bây giờ ai mà đứng chỗ đó, mà thiếp đứng chỗ này, chỉ cần người đó khom xuống một chút thì sẽ thấy cái chuyện tào lao như vậy. Chuyện đó là chuyện bình thường.”

Một phần vua là người đơn giản, thứ hai là vua quá thương và tin hoàng hậu, nên chuyện đó coi như thông qua. Nhưng mà về lúc cuối đời, lúc cận tử, thì hoàng hậu chẳng may bao nhiêu đức lành phước báu đã làm với Tam Bảo thì bà không nhớ, mà lại nhớ cái chuyện mình đã gạt chồng, cho nên hoàng hậu đã ra đi trong nỗi niềm ray rứt ấy. Chính niềm ray rứt ấy là cái nghiệp cận tử của bà, và bà đi thẳng xuống địa ngục. Nhưng vì phước bà nhiều quá.

Bây giờ tôi phải trở lại một kinh cũ: có người một ác nghiệp giống như năm muối bỏ vào chén nước, tức là cực kỳ nguy hiểm; nhưng có người chỉ giống như năm muối liệng xuống sông thì coi như trượt quớt. Bà Mallika này cũng vậy.

Các vị biết cái lợi ích của việc nghe pháp, nghe kinh nhiều đó là người ta nói cái gì mình cũng có thể liên tưởng được hết. Tức là nghe kinh này mình xọ cái kinh kia. Chứ nếu bà con ít nghe giảng pháp, giảng kinh, thì chiều nay bà con nghe bà Mallika, bà con không có cái khi móc gì để liên tưởng hết. Nhưng vì mình nghe nhiều quá,

mấy năm trời rồi, thì tự nhiên bữa nay nghe tới bà Mallika là mình liên tưởng ngay tới cái chuyện năm muối liền.

Chứ không phải bà con nghe xong mới nói:

“Ôi, bà gây tội lỗi mà đi địa ngục có mấy bữa thì tôi cũng vậy.”

Thì không có phải. Mà mình phải coi bà này cái phước bà nhiều cỡ nào.

Bà bị ray rút cái chuyện đó nên bị sanh đi địa ngục 7 ngày, tính theo thời gian của nhân loại thì cỡ chừng 1 hay 2 giây ở dưới địa ngục. Tức là trong con mắt của mấy người dưới địa ngục thì cái bà này vừa mới lọt vô chảo, nhúng chưa ướt mông là bà đã đi mất rồi. Tức là lọt xuống chảo dầu mà chưa kịp phồng mông là bà cất cánh đi ba không cần đường băng luôn.

Trong khi đó có nhiều người lọt xuống năm núp lùm ở dưới nhiều ngàn năm. Cỡ trong room của mình mà xuống là từ thẻ xanh mà vô thường trú rồi có quốc tịch luôn.

Trong thời gian 7 ngày đó thì vua thương quá thương đi. Vua mới vào hỏi Phật:

“Bây giờ con thương nàng quá, và cái điều mà con quan tâm nhất thấy đó là bây giờ nàng đi đâu, nàng về đâu? Nàng tu nhiều quá, nàng tin Phật, nàng hầu Phật, kính Phật, thương Phật, mến Phật, mà bây giờ nàng xa Phật, không biết bây giờ nàng ở phương nào?”

Phật biết rằng nếu bây giờ nói cho vua biết nàng đang ở dưới địa ngục thì vua chịu không nổi. Người ta đã sanh ly tử biệt, bây giờ thêm một cú sốc nữa thì làm sao chịu nổi. Phật biết sau 7 ngày thì sẽ ok, nên Phật dùng Phật lực của Ngài và chú nguyện rằng vua hãy quên chuyện đó đi.

Nên nhớ, không phải trường hợp nào Phật cũng có thể làm chuyện này. Cái người kia phải làm sao, phước duyên như thế nào, thì Phật mới dùng cái khả năng như thế này. Nghĩa là Ngài hướng cho vua chú ý tới chuyện khác. Cứ mỗi ngày vào hầu Phật, vua

đem cái chuyện này ra thì Phật làm cho vua quên lãng và hỏi qua chuyện khác, suốt 7 ngày như vậy.

Đến 7 ngày sau, Phật biết chính xác là bà Mallika đã từ địa ngục đi thẳng về Đâu Suất, không ghé nhân gian. Thì khi vua hỏi Ngài lần nữa là:

“Nàng đã đi đâu, nàng đã về đâu?”

Thì Phật trả lời:

“Người như nàng thì hôm nay đã về Đâu Suất.”

Trời đất ơi, vua mừng biết là bao nhiêu, bởi vì vua tin chắc hẳn nếu nàng ok thì mình sớm muộn gì cũng sẽ đoàn tụ với nàng. Bởi vì vua cũng học đạo, và vua tin vào cái chuyện gặp gỡ lại nàng không có khó, miễn là nàng về cõi lành thôi.

Chuyện bà Mallika là như vậy, mà trong Chánh Tạng thì chỉ có một đoạn đơn giản là vua bị báo tin buồn thôi. Thì Phật mới an ủi vua và nhắc lại nguyên cái bài kinh trên. Ngài nói rằng:

“Không ai trên đời này tránh được cái sanh, già, bệnh, chết; có rồi phải mất và mọi sự phải kết thúc.”

Vua nghe như vậy thì vua cũng giảm được phần nào, cộng với một điều mà tôi cho rằng vô cùng quan trọng, đó là: nhiều khi cũng là bài kinh đó, nhưng mà mình nghe ông sư giảng, nghe người khác tụng đọc, không có áp phê bằng ông vua này đã được gặp trực tiếp Đức Thế Tôn, một người mà ngoài mấy chục cái tướng tốt của Ngài ra, thì Ngài có một cái từ trường lan tỏa vạn dặm.

Trong kinh nói không gì có thể cưỡng lại sức mạnh từ tâm của vị Chánh Đăng Giác, ngoại trừ ra ác nghiệp. Nếu một người không có ác nghiệp, không có oan trái với chư Phật, thì khi mà nhìn chư Phật, nghe tiếng nói của chư Phật, thì một con voi điên to như cái núi đang lừng lững lao tới với tốc độ của một đoàn xe lửa, mà khi nó chạm

phải cái từ trường bi mẫn của Thế Tôn, thì con voi đó lập tức dừng lại, khụy chân xuống, chỉ biết lấy cái vòi mà hút bụi dưới chân Ngài thôi.

Các vị không có tin, nhưng tôi tin, bởi vì bằng chứng tôi đã gặp nhiều người mà chỉ nhìn ánh mắt của họ, nghe giọng nói của họ mà tôi...

Nghĩ trong bụng không biết làm sao có thể giận được người này. May mà người đó là người tào lao và tôi cũng đã được gặp một vài người như vậy. Tôi nghe giọng nói: “Sư khỏe không?” và ánh mắt chỉ cười nhẹ thôi mà tôi đã nghĩ trong bụng là làm sao có thể giận được con người này, làm sao mà tôi có thể quên được con người này.

May là họ không phải là Phật, và lúc đó có lẽ họ xài tâm tham chứ không phải tâm từ nã, mà đã cảm hóa được tôi. Cho đến chiều nay nhắc về họ mà tôi còn thấy băng khuâng chiều nắng hạ, quý vị. Huống hồ chi là lòng đại bi của một vị Vô Thượng Điều Ngự Chánh Đăng Chánh Giác.

Cho nên khi Phật phủ dụ, trấn an như vậy thì vua dụ đi rất là nhiều. Nhờ vậy vua chịu trận được đến ngày thứ bảy, khi vua biết được bà hoàng hậu rất mực dẫu yêu của mình nay đã an vị trên một tầng trời sung sướng, vui vẻ thì vua bội phần an tâm đẹp dạ. Vua vững tin rằng trong một ngày không xa lắm thì hai người sẽ đoàn tụ theo lời nguyện của một đêm thất tịch:

“Trên trời làm chim liền cánh và dưới đất làm cây liền cành.”

Một cuộc tình đẹp hơn Dương Quý Phi và Đường Minh Hoàng gấp triệu lần.

Tôn giả Nārada

Kinh 50 nội dung y chang kinh 49, chỉ đổi nhân vật là Ngài Nārada thay vì Đức Phật, và vua Munḍa thay vì vua Pasenadi.

Có nghĩa là có ông vua tên là Munḍa, có bà hoàng hậu mà vua thương lắm. Vào một ngày xấu trời kia thì nàng lăn đùng ra nàng chết. Vua thương đến mức mà vua không

có dám tin rằng đó là sự thật. Giống như mấy ngàn năm sau mà nhà thơ Kim Giang đã kể lại cuộc tình của mình:

Không tin được dù đó là sự thật,
Giặc bắn em rồi, quăng mất xác.
Chỉ vì em là du kích, em ơi!

Đại khái như vậy. Ông thương đến mức mà ông không tin đó là sự thật. Ông ôm cái xác của nàng và ông nói rằng không có cách chi mà ông rời xa nàng được.

Thời đó không có khả năng ướp xác, có thể có ở đâu đó chứ không có ở xứ này. Cho nên vua nghĩ ra một cách tương đối là vừa vắn với trình độ khoa học đương thời, đó là bỏ nàng vào một cái áo quan bằng sắt chứa đầy dầu. Nhờ vậy nó cũng cản được phần nào khả năng nhiễm khuẩn và oxy. Hạn chế được hai chuyện đó thì vua có thể nhìn thấy được thân xác của hoàng hậu lâu hơn một tí ti. Dĩ nhiên được một ít lâu thôi, quý vị.

Các vị vào nhà quan của viện y học dân tộc Sài Gòn thì các vị thấy biết bao nhiêu cái xác được hiến tặng. Họ cũng ngâm hóa chất, nhưng mà ngâm thì ngâm, chứ lâu lâu thì da cũng thay đổi, tay chân cũng cong queo, co quắp, ghê lắm quý vị. Tôi có nhìn thấy một cái xác như vậy của người quen qua video thì nhìn nó nản lắm quý vị nha.

Vua khổ lắm, thì người trong cung mới tìm cách để cứu vua. Họ mới nghĩ đến vị A-la-hán Nārada ở gần đó và người ta mới rủ vua đến gặp Ngài. Ngài đồng ý và đã giảng cho vua nghe nội dung y chang như nội dung Đức Phật đã giảng cho vua Pasenadi.

Sau khi nghe xong thì vua thấm. Thôi thì chuyện nó đã lỡ rồi, không thể nào cứu vãn được nữa. Bây giờ nàng đã chết rồi thì mình phải chấp nhận đó là sự thật. Chết rồi phải đem chôn. Trai lớn thì lấy vợ, gái lớn thì gả chồng, người chết thì đem chôn. Đây là những sự thật mà mình không thể nào vì một chút tâm cảm cá nhân mà nầm nịu, đổi thay những sự thật ở đời.

Bài kinh dài thông lòng nhưng nội dung chỉ có bấy nhiêu đó thôi.

Giảng xong bây giờ cũng vừa đủ. Tiếp theo là phẩm Triền Cái, hôm qua chúng ta đã học rồi.

Khó tìm được

Ở hai kinh 59 và 60, Phật dạy người lớn tuổi đi xuất gia phải gặp nhiều khó khăn hơn người tuổi trẻ.

1. Khó mà có đầu óc hay khả năng nhận xét tinh tế (nipuna), nghĩa là những sự việc đòi hỏi sự tinh tường, ý tứ, sắc sảo, bén nhạy.

Vì người lớn tuổi thường sống theo thói quen, không có cập nhật được với hiện tại. Vốn liếng trong đầu đa phần là những gì quá hạn sử dụng. Tôi nhớ có một câu mà tôi đọc cách đây không lâu:

“Những gì mà bạn có thể mua được bằng tiền thường gắn liền với hạn sử dụng, dầu đó là cái gì.”

Người lớn tuổi thì họ thích cái gì hay ghét cái gì thì cứ thế mà họ đi tới, tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc về xã hội chủ nghĩa, chứ họ không có đi qua khỏi cái khác được. Họ cứ theo cái nền tảng cũ. Dầu có phát triển kinh tế theo định hướng thị trường nhưng vẫn trên cái tư duy của xã hội chủ nghĩa, thì cái kiểu đó họ không thể đi xa được.

Cho nên cái đầu tiên, vốn liếng của họ đa phần là những gì quá hạn sử dụng. Nghĩa là năm nay là năm 2018 mà chàng 70, chàng xài những kinh nghiệm của cái năm 30, tức là 40 năm trước, thì cái đó không phải là quá hạn sử dụng thì còn là cái gì nữa.

2. Khó tìm được người có uy nghi tốt đẹp, uy nghi tế hạnh.

Đi, đứng, nằm, ngồi, đắp y, mang bát, ăn uống, họ cũng theo thói quen húp rộp rộp. Trên thế giới này chỉ trừ có người Nhật thôi quý vị. Ăn mà húp rộp rộp thì chủ nhà họ

thích, bởi vì bày tỏ là mình hứng thú với món ăn đó mà chủ nhà đãi. Chứ đa phần là ăn uống phải kín kẽ, kín tiếng, nhẹ nhàng, lịch sự.

Dĩ nhiên là ở đây tôi không có ý mạo phạm các vị tôn túc lớn tuổi, nhưng mà ở đây đang nói cái sự thật mà tôi hy vọng là không có trùng vị nào đang nghe. Đa phần khi chúng ta xuất gia lớn tuổi thì thường sống bằng vốn liếng đời nhiều hơn đạo, cho nên hơi khó.

Các vị để ý, vị nào xuất gia lớn tuổi so với vị nào là hòa thượng lớn tuổi, tuy là hai ông cụ nhưng vị hòa thượng lớn tuổi thì cách đi, đứng, nằm, ngồi, ăn nói của vị đó có phong thái lạ lắm quý vị. Các vị để ý các vị Sayadaw hàng thượng thừa thì để ý các vị ấy ngộ lắm, cũng là ông già thôi, nhưng mà họ đi có gì đó nhìn nó lấp lánh, lung linh.

3. Người già khó học nhiều, khó hiểu nhiều, khó nhớ nhiều, khó hành nhiều, nên không thể kể là nghe nhiều.

4. Người lớn tuổi khó có khả năng thuyết giảng, bởi vì trong đầu họ đời nhiều hơn đạo. Cái thuyết giảng chánh pháp nó có vấn đề thế này: ngoài cái chuyện mà anh biết về lý thuyết thì anh cũng cần một ít kinh nghiệm máu sương mà anh đã dầm dề tương chao trong đó.